TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

KHOA KINH TẾ

KẾ HOẠCH THI HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2021-2022)

HỆ CHÍNH QUY

| STT | TÊN HỌC PHẦN | LỚP HC | Hình thức thi | SĨ SỐ | Số lượng phòng | T3 | | T4 | | T5 | | T6 | | T7 | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | |
|---|---|---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

KHOA KINH TẾ

KẾ HOẠCH THI HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2021-2022)

HỆ CHÍNH QUY

| STT | TÊN HỌC PHẦN | LỚP HC | Hình thức thi | SĨ SỐ | Số lượng phòng | T3 | | T4 | | T5 | | T6 | | T7 | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | |
|---|---|---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

KHOA KINH TẾ

KẾ HOẠCH THI HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2021-2022)

HỆ CHÍNH QUY

STT	TÊN HỌC PHẦN	LỚP HC	Hình thức thi	SĨ SỐ	Số lượng phòng	T3		T4		T5		T6		T7		T2			T3			T4			T5			T6			T7			CN			T2			T3			T4			T5			T6			T7			CN			T2		
						16/11		17/11		18/11		19/11		20/11		22/11			23/11			24/11			25/11			26/11			27/11			28/11			29/11			30/11			1/12			2/12			3/12			4/12			5/12			6/12		
						S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T	S	C	T
29	Phân tích Báo cáo tài chính	K28 QT1+2; K24 QT; K26,27,28 KT	BTL + Vấn đáp	197	8																									x	x	x	x	x	x	x										x															
30	Quản trị sản xuất	K28 QT1+2 K23,24,25 QT		199	8																	x	x				x	x	x	x																														
31	Quản trị nhân lực	K28 QT1+2 K27QT2		186	8																			x	x	x																		x			x											x	
32	Quản trị dự án đầu tư	K28 QT1+2+3+4 K24,25 QT		316	13																																								x	x		x	x	x		x	x	x	x	x		x
33	Quản trị kinh doanh quốc tế	K28 QT1+2+3+4; K23,25 QT		308	12																																x	x	x	x	x	x									x	x						
34	Anh văn chuyên ngành kế toán 1	K11 N2 KT; K25 KT		2	10																																											x											
35	Anh văn chuyên ngành quản trị I	K28 QT1+2+3+4 K11 N2QT		251																																										x											
36	Quản trị chiến lược	K28 QT3+4		197	8											x	x	x	x	x	x																																					
37	Tin học quản trị	K28 QT3+4; K25 QT; K23 QT; K11 N2QT		174	7																						x			x												x	x	x		x							x						
38	Anh văn chuyên ngành quản trị II	K27 QT	BTL + Vấn đáp	78	3																	x	x																																				
38	Thương mại điện tử (*)	K27 QT1		89	4																				x	x																																	
39	QTKD tổng hợp	K27 QT		161	7																													x	x	x																							

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

KHOA KINH TẾ

KẾ HOẠCH THI HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2021-2022)

HỆ CHÍNH QUY

| STT | TÊN HỌC PHẦN | LỚP HC | Hình thức thi | SĨ SỐ | Số lượng phòng | T3 | | T4 | | T5 | | T6 | | T7 | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | |
|---|---|---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

KHOA KINH TẾ

KẾ HOẠCH THI HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2021-2022)

HỆ CHÍNH QUY

| STT | TÊN HỌC PHẦN | LỚP HC | Hình thức thi | SĨ SỐ | Số lượng phòng | T3 | | T4 | | T5 | | T6 | | T7 | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | | T3 | | | T4 | | | T5 | | | T6 | | | T7 | | | CN | | | T2 | | |
|---|---|---